

Số: 145/TB-UBND

Ninh Cường, ngày 08 tháng 7 năm 2026

**THÔNG BÁO**

**Tổ chức đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công Cải tạo cảnh quan và vệ sinh môi trường trên địa bàn xã Ninh Cường năm 2026**

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ quy định tại Điều 143 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị quyết số 36/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình quy định cơ chế hỗ trợ kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, rác thải công cộng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

Thực hiện Quyết định số 670/QĐ-UBND ngày 08/7/2026 của UBND xã Ninh Cường về việc phê duyệt dự toán và phương án đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công Cải tạo cảnh quan và vệ sinh môi trường trên địa bàn xã Ninh Cường năm 2026;

Để đảm bảo phát huy hiệu quả và lựa chọn nhà cung cấp đủ năng lực nhận đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công Cải tạo cảnh quan và vệ sinh môi trường trên địa bàn xã Ninh Cường năm 2026, UBND xã Ninh Cường thông báo tổ chức đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công Cải tạo cảnh quan và vệ sinh môi trường trên địa bàn xã Ninh Cường năm 2026 với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung về sản phẩm, dịch vụ công đặt hàng**

**1.1 Tên sản phẩm, dịch vụ công đặt hàng:** Cải tạo cảnh quan và vệ sinh môi trường trên địa bàn xã Ninh Cường năm 2026.

**1.2. Phương án đặt hàng:** Theo Quyết định số 670/QĐ-UBND ngày 08/7/2026 của UBND xã Ninh Cường về việc phê duyệt dự toán và phương án đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công Cải tạo cảnh quan và vệ sinh môi trường trên địa bàn xã Ninh Cường năm 2026 (có tài liệu đính kèm).

**1.3. Đăng ký thực hiện:** Nhà cung cấp có nhu cầu thực hiện và đáp ứng được các điều kiện theo phương án đặt hàng, gửi hồ sơ đăng ký đến UBND xã Ninh Cường qua Nông nghiệp và Môi trường, địa chỉ: Thôn Trục Phú, xã Ninh Cường, tỉnh Ninh Bình.

Thời gian nộp hồ sơ: Trong giờ hành chính, chậm nhất trong ngày 10/7/2026.

**2. Hình thức đăng tải thông tin:** Đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử của xã ([www.ninhcuong.ninhbinh.gov.vn](http://www.ninhcuong.ninhbinh.gov.vn)) từ ngày 08/7/2026 đến ngày 10/7/2026.

**3. Tổ chức thực hiện:** Giao Văn phòng HĐND-UBND xã chủ trì, phối hợp với phòng Nông nghiệp và Môi trường thực hiện đăng tải, công bố thông tin rộng rãi đến các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có liên quan; đồng thời tổng hợp danh sách các đơn vị đăng ký nhận đặt hàng gửi phòng Nông nghiệp và Môi trường, làm cơ sở thực hiện các bước tiếp theo theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Lãnh đạo UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Các tổ chức, doanh nghiệp có liên quan;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT, NNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Vũ Giao Hưởng**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt dự toán và phương án đặt hàng sản phẩm, dịch vụ công Cải tạo cảnh quan và vệ sinh môi trường trên địa bàn xã Ninh Cường năm 2026**

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NINH CƯỜNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT; Căn cứ Quyết định số 1821/QĐ-UBND ngày 13/12/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình Ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;*

*Căn cứ Quyết định số 155/2025/QĐ-UBND ngày 06/11/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình ban hành Quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;*

*Căn cứ Nghị quyết số 36/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cơ chế hỗ trợ kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, rác thải công cộng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;*

*Căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XV về việc quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương tỉnh Ninh Bình năm 2026;*

*Căn cứ Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân*

dân tỉnh về việc quyết định phân bổ dự toán ngân sách địa phương tỉnh Ninh Bình năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1789/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 176/2025/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND tỉnh quy định hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương (Hắc) làm cơ sở xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước do doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn tỉnh ;

Căn cứ Quyết định 188/2025/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh quy định quy trình kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Ninh Cường về việc quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách xã năm 2026; Quyết định phân bổ ngân sách nhà nước xã Ninh Cường năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2025 của UBND xã về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 483/QĐ-UBND ngày 13/5/2026 của UBND xã về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 khi thành lập Phòng Nông nghiệp và Môi trường trên cơ sở tổ chức lại Phòng Kinh tế xã Ninh Cường;

Xét đề nghị tại Tờ trình số 27/TTr-NNMT ngày 08/7/2026 của Phòng Nông nghiệp và Môi trường, Báo cáo thẩm định số 34/BC-PKT ngày 08/7/2026 của Phòng Kinh tế.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt dự toán và phương án đặt hàng sản phẩm, dịch vụ công Cải tạo cảnh quan và vệ sinh môi trường trên địa bàn xã Ninh Cường năm 2026, với các nội dung như sau:

#### **A. DỰ TOÁN SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG**

**1. Tên sản phẩm, dịch vụ công:** Cải tạo cảnh quan và vệ sinh môi trường trên địa bàn xã Ninh Cường năm 2026.

**2. Đơn vị tổ chức thực hiện nhiệm vụ:** Phòng Nông nghiệp và Môi trường.

**3. Phạm vi thực hiện:** Trên địa bàn xã Ninh Cường.

**4. Mục tiêu thực hiện:** Đảm bảo môi trường sống trong lành, an toàn cho sức khỏe người dân, đồng thời gìn giữ và phát huy cảnh quan xanh, sạch, đẹp, hướng tới sự phát triển bền vững.

#### **5. Nội dung và khối lượng thực hiện:**

5.1. Công tác quét, gom rác đường bằng thủ công: Thực hiện với tần suất 04 lần/tuần (tổng 96 lần, 02 ngày lễ tết) các tuyến: NC1, NC4, NC5, NC6, NC7.

| STT | TÊN TUYẾN ĐƯỜNG                                                        | Phạm vi ranh giới   |                                        |
|-----|------------------------------------------------------------------------|---------------------|----------------------------------------|
|     |                                                                        | Điểm đầu            | Điểm cuối                              |
| 1   | Tuyến đường trục xã thị trấn Ninh Cường cũ - NC1                       | Đê sông Ninh Cơ     | Đường Hùng Thắng                       |
| 2   | Tuyến Đê Tả Ninh Cơ từ cống Trục Cường đến đò Cau - NC4                | Bến đò Cau          | Cống Trục Cường                        |
| 3   | Tuyến QL 37B qua xã Ninh Cường - NC5                                   | Cầu phao Ninh Cường | Giáp xã Minh Thái                      |
| 4   | Các tuyến quanh Đền Quốc Mẫu Ninh Cường, Thánh Địa Ninh Cường - NC6    | QL37B               | Đền Quốc Mẫu Ninh Cường, Đê Tả Ninh Cơ |
| 5   | Tuyến đường hai bên sông từ Cống Dầm qua QL37B đến đường trục xã - NC7 | Cống Dầm            | Đường trục xã                          |

5.2. Công tác phát cỏ lẽ hai bên đường: Thực hiện với tần suất 02 lần/tháng các tuyến NC1, NC2, NC3, NC4, NC6, NC7.

5.3. Công tác phun hóa chất tại điểm tập kết, bãi xử lý; phun thuốc diệt côn trùng: Thực hiện tần suất 04 lần/tháng.

5.4. Công tác hỗ trợ nhặt, thu gom phế thải và vớt rau bèo trên mương, sông thoát nước chính khu vực trung tâm: Thực hiện với tần suất 02 lần/tháng các tuyến sông cạnh tuyến đường NC1, NC2, NC3 và NC7.

5.5. Công tác vận hành, xử lý, san ủi khu bãi rác tập trung.

**6. Thời gian thực hiện:** Năm 2026.

**7. Giá trị dự toán:** 2.502.138.000 đồng (Hai tỷ, năm trăm linh hai triệu, một trăm ba mươi tám nghìn đồng); trong đó: (Có dự toán chi tiết kèm theo)

**8. Nguồn kinh phí thực hiện:** Ngân sách xã và các nguồn huy động hợp pháp khác.

## **B. PHƯƠNG ÁN ĐẶT HÀNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG**

(Có phương án đặt hàng chi tiết kèm theo).

**Điều 2.** Giao Phòng Nông nghiệp và Môi trường xã Ninh Cường tổ chức thực hiện các bước tiếp theo đảm bảo theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND-UBND xã; Trưởng phòng Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Lãnh đạo UBND xã;
- Như Điều 3;
- Lưu VT, NNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Vũ Giao Hưởng**



## PHỤ LỤC I: BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN

Sản phẩm, dịch vụ công Cải tạo cảnh quan và vệ sinh môi trường trên địa bàn xã Ninh Cường năm 2026

(kèm theo Quyết định số 670/QĐ-UBND ngày 08/07/2026 của UBND xã Ninh Cường)

Đơn vị: Đồng

| STT                            | TÊN CÔNG TÁC                                                                                           | ĐƠN VỊ    | KHỐI LƯỢNG | ĐƠN GIÁ   | THÀNH TIỀN           |
|--------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|------------|-----------|----------------------|
| <b>A</b>                       | <b>NGUỒN SỰ NGHIỆP</b>                                                                                 |           |            |           | <b>2.502.138.000</b> |
| <b>I.</b>                      | <b>Vệ sinh công cộng (Quét, gom rác các tuyến đường)</b>                                               |           |            |           | <b>1.269.062.000</b> |
| <b>a</b>                       | <b>Duy trì thường xuyên</b>                                                                            |           |            |           | <b>1.225.857.328</b> |
| 1                              | Công tác quét, gom rác đường bằng thủ công - Thực hiện 96 lần (Trung bình 4 lần/tuần)                  | 10.000m2  | 579.26     | 1.207.171 | 699.270.944          |
| 2                              | Công tác phát cỏ lề hai bên đường (tháng 2 lần)                                                        | 100m2/lần | 6.240,65   | 84.380    | 526.586.385          |
| <b>b</b>                       | <b>Duy trì ngày lễ, tết 2 ngày</b>                                                                     |           |            |           | <b>43.204.381</b>    |
| 3                              | Công tác quét, gom rác đường bằng thủ công (Công nhân nhân 300%)                                       | 10.000m2  | 12,07      | 3.580.167 | 43.204.381           |
| <b>II</b>                      | <b>Công tác vớt rác sông; xử lý, san ủi rác tại bãi tập kết; phun hóa chất khử mùi..</b>               |           |            |           | <b>1.233.076.000</b> |
| 1                              | Hỗ trợ nhặt, thu gom phế thải và vớt rác trên mương, sông thoát nước tuyến đường trục xã (tháng 2 lần) | km        | 193,60     | 1.857.389 | 359.592.182          |
| 2                              | Công tác xử lý, san ủi rác tại bãi rác tập trung                                                       | 1 tấn rác | 5.805,85   | 113.535   | 659.166.726          |
| 3                              | Phun hóa chất tại bãi tập kết rác, phun thuốc diệt côn trùng (tháng 4 lần)                             | 100m2/lần | 4.128,00   | 51.918    | 214.317.504          |
| <b>TỔNG KINH PHÍ THỰC HIỆN</b> |                                                                                                        |           |            |           | <b>2.502.138.000</b> |



## **PHƯƠNG ÁN ĐẶT HÀNG**

**Tên sản phẩm, dịch vụ công đặt hàng: Cải tạo cảnh quan và vệ sinh môi trường trên địa bàn xã Ninh Cường năm 2026**

*(Kèm theo Quyết định số 670/QĐ-UBND ngày 08/7/2026 của UBND xã)*

**I. Sự cần thiết tiếp tục duy trì công tác cải tạo cảnh quan, thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt và vệ sinh môi trường đường trục xã, ký hợp đồng đặt hàng với đơn vị cung cấp dịch vụ trên địa bàn xã.**

Trong bối cảnh phát triển đô thị, hoạt động sản xuất - sinh hoạt của nhân dân ngày càng phát sinh khối lượng chất thải lớn, gây áp lực lên công tác bảo đảm vệ sinh môi trường, mỹ quan đô thị và sức khỏe cộng đồng. Việc duy trì các tuyến đường, vỉa hè và khu vực công cộng luôn sạch sẽ, gọn gàng không chỉ là yêu cầu về môi trường mà còn là biểu hiện của bộ mặt văn minh đô thị, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân trên địa bàn xã. Đặc biệt, công tác quản lý, duy trì vệ sinh tại các nghĩa trang công cộng luôn đòi hỏi tính chuyên nghiệp, trách nhiệm cao và tuân thủ quy định pháp luật.

Để đáp ứng yêu cầu này một cách hiệu quả, việc tổ chức đặt hàng với một đơn vị cung ứng sản phẩm và dịch vụ công ích chuyên nghiệp là hết sức cần thiết. UBND xã cần xác định và ký hợp đồng đặt hàng với đơn vị cung ứng đảm bảo đủ năng lực thực hiện các dịch vụ như: dọn vệ sinh các tuyến đường, vỉa hè; nhặt và thu gom phế thải. Hình thức đặt hàng này giúp xã chủ động trong việc đảm bảo chất lượng, tiến độ và hiệu quả dịch vụ, đồng thời có căn cứ pháp lý rõ ràng trong quản lý, giám sát và thanh toán chi phí theo đúng quy định pháp luật về đặt hàng cung ứng sản phẩm, dịch vụ công.

Việc đặt hàng với đơn vị cung ứng dịch vụ công ích không chỉ đảm bảo vệ sinh môi trường trên toàn địa bàn xã mà còn góp phần tạo việc làm, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực xã hội, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Đây là giải pháp cần thiết, phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước về dịch vụ công và mong mỏi của người dân về một môi trường sống “sáng - xanh - sạch - đẹp - văn minh”.

Từ những lý do trên, Phòng Nông nghiệp và Môi trường xã xây dựng phương án đặt hàng Nhiệm vụ: Cải tạo cảnh quan và vệ sinh môi trường trên địa bàn xã Ninh Cường năm 2026 để đặt hàng với đơn vị cung cấp dịch vụ để thực hiện công tác cải tạo cảnh quan, thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt và vệ sinh môi trường đường trục xã Ninh Cường là rất cần thiết và cấp bách trong điều kiện hiện nay để đảm bảo đời sống sinh hoạt bình thường của người dân và giữ gìn môi trường xanh - sạch - đẹp.

## **II. Căn cứ thực hiện**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân định thẩm quyền của Chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT;

Căn cứ Quyết định số 1821/QĐ-UBND ngày 13/12/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình Ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Quyết định số 155/2025/QĐ-UBND ngày 06/11/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình ban hành Quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Nghị quyết số 36/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cơ chế hỗ trợ kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, rác thải công cộng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XV về việc quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương tỉnh Ninh Bình năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quyết định phân bổ dự toán ngân sách địa phương tỉnh Ninh Bình năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1789/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định 176/2025/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND tỉnh quy định hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương (Hđc) làm cơ sở xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước do doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Quyết định số 188/2025/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh quy, định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ định quy trình kỹ thuật sinh công cộng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Ninh Cường về việc quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách xã năm 2026; Quyết định phân bổ ngân sách nhà nước xã Ninh Cường năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của UBND xã về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 483/QĐ-UBND ngày 13/5/2026 của UBND xã về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 khi thành lập Phòng Nông nghiệp và Môi trường trên cơ sở tổ chức lại Phòng Kinh tế xã Ninh Cường.

**III. Tên sản phẩm, dịch vụ công đặt hàng:** Cải tạo cảnh quan và vệ sinh môi trường trên địa bàn xã Ninh Cường năm 2026.

**IV. Thời gian tổ chức thực hiện:**

Từ tháng 7/2026 đến ngày 31/12/2026.

**V. Yêu cầu nhiệm vụ, chất lượng thực hiện:**

1. Yêu cầu nhiệm vụ: Cải tạo cảnh quan và vệ sinh môi trường trên địa bàn xã Ninh Cường, bao gồm:

1.1. Công tác quét, gom rác đường bằng thủ công: Thực hiện với tần suất 04 lần/tuần (tổng 96 lần, 02 ngày lễ tết) các tuyến: NC1, NC4, NC5, NC6, NC7.

| STT | TÊN TUYẾN ĐƯỜNG                                                        | Phạm vi ranh giới   |                                        |
|-----|------------------------------------------------------------------------|---------------------|----------------------------------------|
|     |                                                                        | Điểm đầu            | Điểm cuối                              |
| 1   | Tuyến đường trục xã thị trấn Ninh Cường cũ - NC1                       | Đê sông Ninh Cơ     | Đường Hùng Thắng                       |
| 2   | Tuyến Đê Tả Ninh Cơ từ cống Trục Cường đến đò Cau - NC4                | Bến đò Cau          | Cống Trục Cường                        |
| 3   | Tuyến QL 37B qua xã Ninh Cường - NC5                                   | Cầu phao Ninh Cường | Giáp xã Minh Thái                      |
| 4   | Các tuyến quanh Đền Quốc Mẫu Ninh Cường, Thánh Địa Ninh Cường - NC6    | QL37B               | Đền Quốc Mẫu Ninh Cường, Đê Tả Ninh Cơ |
| 5   | Tuyến đường hai bên sông từ Cống Dầm qua QL37B đến đường trục xã - NC7 | Cống Dầm            | Đường trục xã                          |

1.2. Công tác phát cỏ lẽ hai bên đường: Thực hiện với tần suất 02 lần/tháng các tuyến NC1, NC2, NC3, NC4, NC6, NC7.

1.3. Công tác phun hóa chất tại điểm tập kết, bãi xử lý; phun thuốc diệt côn trùng: Thực hiện tần suất 04 lần/tháng.

1.4. Công tác hỗ trợ nhặt, thu gom phế thải và vớt rau bèo trên mương, sông thoát nước chính khu vực trung tâm: Thực hiện với tần suất 02 lần/tháng

các tuyến sông cạnh tuyến đường NC1, NC2, NC3 và NC7.

1.5. Công tác vận hành, xử lý, san ủi khu bãi rác tập trung.

2. Yêu cầu chất lượng:

- Xử lý toàn bộ rác thải sinh hoạt tại các bãi rác, vớt rác trên các tuyến sông.
- Tăng cường quét đường, hè, thu gom rác thải, phế thải, với tần suất gấp 2-3 lần tần suất thường xuyên theo yêu cầu của UBND xã để đảm bảo công tác vệ sinh môi trường trong những ngày lễ, Tết, sự kiện chính trị, trước và sau mưa bão, thiên tai. Thu gom nhanh rác thải, phế thải trên các tuyến đường khi có mưa, bão, thiên tai xảy ra để đảm bảo chất lượng mặt đường và an toàn giao thông.
- Vệ sinh môi trường đường trục xã Ninh Cường phải đảm bảo khối lượng, chất lượng công việc phải theo đúng yêu cầu kỹ thuật, định mức, đơn giá và các quy định có liên quan, đảm bảo vệ sinh môi trường.

## **VI. Yêu cầu đối với nhà cung cấp:**

### **1. Điều kiện chung:**

Đáp ứng các yêu cầu cụ thể tại khoản 2 Điều 143 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ (*Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên*).

### **2. Điều kiện cụ thể:**

#### **2.1. Về năng lực và kinh nghiệm:**

a) Nhà cung cấp dịch vụ không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký kinh doanh; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;

b) Nhà cung cấp đáp ứng các yêu cầu sau:

- Nhà cung cấp dịch vụ có đăng ký ngành nghề dịch vụ vệ sinh và cảnh quan.
- Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 2.502,138 triệu đồng (*Hai tỷ năm trăm linh hai triệu, một trăm ba mươi tám nghìn đồng*).
- Nhà cung cấp dịch vụ đã hoặc đang thực hiện tối thiểu 01 hợp đồng tương tự (có công tác vệ sinh môi trường và thu gom rác thải sinh hoạt) quy mô từ cấp xã trở lên trong thời gian từ 3 năm trở lại đây, trường hợp trong hợp đồng không bao gồm đủ các công tác tương tự thì cung cấp nhiều hơn 01 hợp đồng để chứng minh công tác tương tự đã hoặc đang thực hiện.
- Nhà thầu có chứng nhận ISO về hệ thống quản lý chất lượng hoặc đã đạt giải thưởng do các đơn vị đánh giá, đo lường chất lượng môi trường công nhận hoặc các tài liệu tương đương.

c) Có giải pháp thực hiện đáp ứng được chất lượng, tiến độ và hiệu quả

đặt hàng, đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn lao động.

## **2.2. Về bố trí nhân sự chủ chốt:**

- Có ít nhất 01 kỹ sư/cử nhân tốt nghiệp đại học chuyên ngành môi trường.
- Có ít nhất 01 cán bộ phụ trách quản lý an toàn lao động tốt nghiệp đại học trở lên. Có chứng nhận nghiệp vụ an toàn lao động-vệ sinh lao động còn hiệu lực.

- Có ít nhất 01 cán bộ phụ trách thanh toán, quyết toán tốt nghiệp đại học trở lên chuyên môn được đào tạo thuộc một trong các chuyên ngành về kinh tế xây dựng, kinh tế, tài chính, kế toán.

- Có đội ngũ người lao động từ 10 người trở lên, được huấn luyện về an toàn vệ sinh môi trường.

## **2.3. Về bố trí thiết bị chủ yếu:**

- Có tối thiểu 01 xe chở ép rác chuyên dụng (hoạt động tốt), 01 xe tải (hoạt động tốt), 05 máy cắt cỏ.

## **VII. Phương thức nghiệm thu, thanh quyết toán:**

### **1. Phương thức nghiệm thu, thanh lý:**

- Nghiệm thu hàng tháng: Từ ngày 01 đến ngày 05 của tháng tiếp theo; thời gian nghiệm thu tháng cuối quý thực hiện cùng thời điểm nghiệm thu hàng quý.

- Nghiệm thu hàng quý: Từ ngày 01 đến ngày 05 của tháng liền kề tháng cuối quý

- Nghiệm thu năm: Nghiệm thu vào tuần cuối cùng của năm trên cơ sở Hợp đồng cung ứng sản phẩm, dịch vụ công đã ký.

b) Thành phần, nội dung và hồ sơ nghiệm thu, thanh lý:

- Thành phần nghiệm thu: Phòng Nông nghiệp và Môi trường; các đơn vị khác có liên quan.

- Nội dung nghiệm thu: Các công việc đã được thực hiện trong tháng hoặc chi tiết theo nhiệm vụ được phê duyệt.

- Xác nhận, nghiệm thu khối lượng.

- Hồ sơ bàn giao đầy đủ, đúng quy định; cụ thể như sau:

- + Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành;

- + Biên bản nghiệm thu thanh toán (Phụ lục 04);

- + Bản xác định giá trị, khối lượng công việc hoàn thành (Phụ lục 08a);

- + Biên bản thanh lý hợp đồng;

- + Các hồ sơ khác có liên quan.

### **2. Phương thức tạm ứng, thanh toán, quyết toán:**

- Giá trị tạm ứng không quá 30% giá trị hợp đồng sử dụng kinh phí từ

ngân sách nhà nước.

- Căn cứ đơn giá, giá đặt hàng; biên bản nghiệm thu sản phẩm và tài liệu khác có liên quan, UBND xã Ninh Cường thực hiện tạm ứng, thanh toán theo quy định tại Khoản 2 Điều 24, Chương IV Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

- Căn cứ khối lượng thực tế được các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền kiểm tra, nghiệm thu theo quy định và giá trị thanh toán thực tế.

### **VIII. Dự kiến khối lượng và dự toán thực hiện:**

**1. Giá trị dự toán:** 2.502.138.000 đồng (Hai tỷ, năm trăm linh hai triệu, một trăm ba mươi tám nghìn đồng).

(Có dự toán chi tiết kèm theo)

**2. Nguồn kinh phí thực hiện:** Ngân sách xã và các nguồn huy động hợp pháp khác.

*Lưu ý:* Đơn giá dịch vụ được xác định trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá nhân công, ca máy... do cơ quan có thẩm quyền ban hành. Sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt chính thức đơn giá dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực đặt hàng, Phòng Nông nghiệp và Môi trường sẽ tham mưu thực hiện điều chỉnh theo quy định nhà nước hiện hành đảm bảo hiệu quả sử dụng kinh phí ngân sách.

- Chi tiết khối lượng, đơn giá đặt hàng cụ thể như sau:

Đơn vị: Đồng

| STT       | TÊN CÔNG TÁC                                                                             | ĐƠN VỊ                 | KHỐI LƯỢNG | ĐƠN GIÁ | THÀNH TIỀN           |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------|---------|----------------------|
| <b>A</b>  | <b>NGUỒN SỰ NGHIỆP</b>                                                                   |                        |            |         | <b>2.502.138.000</b> |
| <b>I.</b> | <b>Vệ sinh công cộng (Quét, gom rác các tuyến đường)</b>                                 |                        |            |         |                      |
| <b>a</b>  | <b>Duy trì thường xuyên</b>                                                              |                        |            |         |                      |
| 1         | Công tác quét, gom rác đường bằng thủ công - Thực hiện 96 lần (Trung bình 4 lần/tuần)    | 10.000m <sup>2</sup>   | 579,26     |         |                      |
| 2         | Công tác phát cỏ lề hai bên đường (tháng 2 lần)                                          | 100m <sup>2</sup> /lần | 6.240,65   |         |                      |
| <b>b</b>  | <b>Duy trì ngày lễ, tết 2 ngày</b>                                                       |                        |            |         |                      |
| 3         | Công tác quét, gom rác đường bằng thủ công (Công nhân nhân 300%)                         | 10.000m <sup>2</sup>   | 12,07      |         |                      |
| <b>II</b> | <b>Công tác vớt rác sông, xử lý, san ủi rác tại bãi tập kết; phun hóa chất khử mùi..</b> |                        |            |         |                      |

| STT                            | TÊN CÔNG TÁC                                                                                           | ĐƠN VỊ    | KHỐI LƯỢNG | ĐƠN GIÁ | THÀNH TIỀN           |
|--------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|------------|---------|----------------------|
| 1                              | Hỗ trợ nhặt, thu gom phế thải và vớt rác trên nương, sông thoát nước tuyến đường trục xã (tháng 2 lần) | km        | 193,60     |         |                      |
| 2                              | Công tác xử lý, san ủi rác tại bãi rác tập trung                                                       | 1 tấn rác | 5.805,85   |         |                      |
| 3                              | Phun hóa chất tại bãi tập kết rác, phun thuốc diệt côn trùng (tháng 4 lần)                             | 100m2/lần | 4.128,00   |         |                      |
| <b>TỔNG KINH PHÍ THỰC HIỆN</b> |                                                                                                        |           |            |         | <b>2.502.138.000</b> |